

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/KDTM-ST
Ngày: 19-09-2017
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Huỳnh Minh Chánh

2- Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Tấn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 09 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2016/TLST-KDTM ngày 17 tháng 06 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2017/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 07 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa 209/2017/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 08 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn N.

Địa chỉ trụ sở chính: đường H, khu công nghiệp B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật : Ông E, chức danh : Tổng giám đốc, quốc tịch: M, hộ chiếu số: A, cấp tại M, thường trú tại: T, N, Malaysia. (Vắng mặt)

Ông E ủy quyền cho ông Trần Văn M, sinh năm: 1962, chức vụ: Phó Phòng Tổng hợp. Nơi làm việc: đường H, khu công nghiệp B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Theo giấy ủy quyền ngày 24/05/2016 của Công ty trách nhiệm hữu hạn N) (Có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Sản xuất P.

Địa chỉ trụ sở chính: đường B, ấp 2 (ấp mới là 2A), xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh V, sinh năm: 1978. Chức danh: Giám đốc. Chỗ ở hiện nay: đường B, ấp 2 (ấp mới là 2A), xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 05 năm 2016, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 30/06/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn N có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn M trình bày như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn N (gọi tắt là Công ty N) có bán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Sản xuất P (gọi tắt là Công ty P) sản phẩm sơn

Nippon, theo hợp đồng mua bán số PJ17-HCMC-0034-2013 ngày 15/11/2013 với thời hạn thanh toán 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tính đến ngày 31/03/2016 Công ty P đã mua hàng trị giá 170.417.500 đồng, nhưng chỉ thanh toán 87.275.000 đồng, còn nợ 83.142.500 đồng. Nhiều lần Công ty N nhắc nhở và thông báo đòi nợ nhưng Công ty P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do vậy Công ty N yêu cầu Công ty P phải trả số tiền nợ mua hàng là 83.142.500 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn bình quân 14%/năm do Ngân hàng nhà nước quy định đối với lãi suất nợ quá hạn tính từ ngày quá hạn nợ phải trả đến ngày 31/03/2016 là 21.988.428 đồng. Tổng cộng là 105.130.928 đồng, phải thanh toán dứt điểm một ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 30/06/2017 Công ty N nộp đơn yêu cầu thay đổi đơn khởi kiện là yêu cầu Công ty P phải trả số tiền nợ mua hàng là 83.142.500 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại phiên tòa đại diện Công ty N theo ủy quyền có ông Trần Văn M yêu cầu Công ty P phải trả số tiền nợ mua hàng là 83.142.500 đồng, trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Sản xuất P (gọi tắt là Công ty P) đã được Văn phòng Thừa Phát Lại huyện B tổng đạt tại địa chỉ đường B, ấp 2 (ấp mới là 2A), xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Đại diện theo pháp luật của Công ty P vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử mà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa Công ty P vắng mặt không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu như sau:

Về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua tài liệu chứng cứ mà đương sự giao nộp cho Tòa án, thì Công ty P có ký hợp đồng mua bán với Công ty N và có nợ tiền mua bán sơn Nippon với số tiền 83.142.500 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn N về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại sản xuất P thanh toán số tiền còn nợ là 83.142.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:*

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty trách nhiệm hữu hạn N (gọi tắt là Công ty N) nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán sơn Nippon đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Sản xuất P (gọi tắt là Công ty P), hai bên có đăng ký kinh doanh và có ký hợp đồng mua bán số PJ17-HCMC-0034-2013 ngày 15/11/2013. Do đó, việc giao dịch mua bán giữa hai bên có mục đích lợi nhuận.

[1.2] Ngày 29/08/2016 Phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Sản xuất P là chưa đăng ký giải thể, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Trần Thanh V, sinh năm: 1978, chức danh: Giám đốc. Địa chỉ trụ sở chính, hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại cùng một nơi tại đường B, ấp 2, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của Công an xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thì : “Ông Trần Thanh V, sinh năm: 1978 có hộ khẩu thường trú tại đường B, ấp 2 (ấp mới là 2A), xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, hiện tại đương sự V đang sinh sống tại địa chỉ trên.”

Do vậy, vụ án Công ty trách nhiệm hữu hạn N tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Sản xuất P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do giao dịch giữa các đương sự phát sinh khi Bộ luật dân sự 2005, Luật thương mại năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, Luật Thương mại năm 2005 làm cơ sở giải quyết vụ án.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa bị đơn là Công ty P vắng mặt đến lần thứ hai không lý do, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 thì phiên tòa dân sự sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử.

[2]. *Về các yêu cầu của các đương sự:*

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền còn nợ mua hàng hóa là 83.142.500 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Bị đơn vắng mặt không lý do và không gửi văn bản, tài liệu, chứng cứ ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên được xem là từ bỏ lời trình bày của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Nguyên đơn xuất trình một số hóa đơn giá trị gia tăng và giao hàng cho bị đơn gồm có:

- Hóa đơn số: 0008660 ngày 28/06/2014, tiền hàng tổng cộng (Có thuế GTGT) là 3.410.000 đồng.

- Hóa đơn số: 0008820 ngày 25/03/2014, tiền hàng tổng cộng (Có thuế GTGT) là 25.575.000 đồng.

- Hóa đơn số: 0008707 ngày 30/06/2014, tiền hàng tổng cộng (Có thuế GTGT) là 28.160.000 đồng.

- Hóa đơn số: 0006501 ngày 26/03/2014, tiền hàng tổng cộng (Có thuế GTGT) là 26.400.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hàng còn nợ là 83.142.500 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[3.2] Nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận đầu tư kinh doanh, được phép sản xuất các loại sơn cao cấp và phân phối hàng hóa (Giấy chứng nhận đầu tư số : 472043000421 lần đầu: ngày 06/07/1994 và lần thay đổi thứ năm: ngày 23/03/2015). Bị đơn có đăng ký kinh doanh (Mã số doanh nghiệp: 0309878449 ngày 25/03/2010), theo kết quả cung cấp thông tin của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và

đầu tư thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Sản xuất P chưa đăng ký giải thể.

[3.3] Hai bên đã thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, có thể hiện mục đích kinh doanh có lợi nhuận, bị đơn không đến tòa án để trình bày yêu cầu và phản bác của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[3.4] Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền nợ mua sơn Nippon là 83.142.500 đồng, bị đơn thực hiện trả nợ một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3.5] Trường hợp bị đơn chậm thanh toán số tiền nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[3.6] Hai bên đương sự thực hiện việc trả tiền tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

[3.7] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 290 Bộ Luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn N buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Sản xuất P phải trả số tiền nợ mua hàng hóa là 83.142.500 đồng (Tám mươi ba triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Sản xuất P trả số tiền nợ mua hàng hóa là 83.142.500 đồng (Tám mươi ba triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Sản xuất P chậm thanh toán số tiền nợ mua hàng hóa nêu trên thì Công ty trách nhiệm hữu hạn N có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Hai bên đương sự thực hiện việc trả tiền tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Về án phí sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Sản xuất P chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.157.125 đồng (Bốn triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng), nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 2.628.273 đồng (Hai triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng) mà Công ty trách nhiệm hữu hạn N (do Trần Văn M nộp) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án số AA/2016/0020092 ngày 08/06/2016 của Chi Cục

Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn N có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Sản xuất P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP.HCM;
- VKSND cùng cấp;
- THADS có thẩm quyền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
 (Đã ký)

Ôn Kim Chi